

Số 24 /GXN-TCMT

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2016

**BẢN SAO**

GIẤY XÁC NHẬN  
HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG  
của Dự án "Nhà máy nhiệt điện Ô Môn I"

**TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG XÁC NHẬN**

**I. Thông tin chung về dự án/cơ sở:**

- Tên chủ dự án: Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH MTV.
- Địa chỉ văn phòng: Số 01 đường Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.
- Địa điểm hoạt động: Khu vực Thới Lợi, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.
- Điện thoại: 0710.2221220 Fax: 0710.2221216
- Tài khoản số: 0051009728008 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình, Chi nhánh Cần Thơ.
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số 1800590430, đăng ký thay đổi lần 06 ngày 22/11/2013. Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ.
- Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án số 1461/QĐ-BKHCMNT ngày 05/10/1998 của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

**II. Nội dung xác nhận:**

Xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án "Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn I" tại Khu vực Thới Lợi, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ (tại Phụ lục kèm theo).

**III. Trách nhiệm của chủ dự án:**

Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành các công trình bảo vệ môi trường đã nêu tại Mục 1, 2, 3 và 4 của Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận này; thực hiện chế độ báo cáo về bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường theo quy định của pháp luật.

**IV. Tổ chức thực hiện:**

Giấy xác nhận này là căn cứ để chủ dự án đưa dự án vào hoạt động chính thức; là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở./.

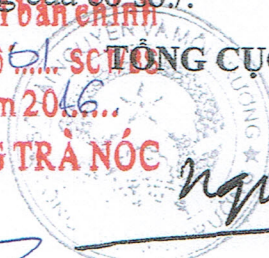
**Nơi nhận:**

- Như mục I (02);
- UBND thành phố Cần Thơ.
- Sở TN&MT thành phố Cần Thơ.
- VPMC, Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, KSMT (02).

**Chứng thực bản sao đúng với bản chính**

Số chứng thực ..... Quyển số ..... SC

Ngày ... tháng ... năm 20...



Nguyễn Văn Tài

*Nguyễn Kim Phương*

## PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy xác nhận số: 24 /GXN-TCMT ngày 08 tháng 3 năm 2016  
của Tổng cục Môi trường)

### 1. Công trình xử lý nước thải:

#### 1.1. Mạng lưới thu gom nước thải và thoát nước mưa:

- Đã xây dựng mạng lưới thoát nước mưa là các mương bằng bê tông có chiều rộng 0,3m và chiều cao 0,65m; đối với khu vực quanh bồn dầu, đã xây dựng 12 (mười hai) hố phân ly (cấp 1 và cấp 2) để tách dầu ra khỏi nước. Đã lắp đặt thiết bị cảm biến váng dầu để kiểm soát hàm lượng dầu trong nước mưa.
- Đã xây dựng mạng lưới thu gom nước thải sinh hoạt có tổng chiều dài 2.196,289 m bằng các đường ống thép carbon với các kích cỡ D50, D100 và D150; đã xây dựng 12 (mười hai) bể tự hoại trước khi đầu nối vào mạng lưới thu gom nước thải tập trung của Nhà máy.
- Đã xây dựng mạng lưới thu gom nước thải sản xuất có tổng chiều dài 2.087,286 m được làm từ thép carbon (đường kính D50, D150 và D200) và nhựa FRP (đường kính D50, D100 và D200).
- Đã xây dựng mạng lưới thu gom, thoát nước làm mát gồm đường ống thép với đường kính 1,8m; cống ngầm có kết cấu bê tông cốt thép, tiết diện hình vuông 4,1m x 4,1m chiều dài 235m và kênh thải hở có tiết diện hình thang chiều rộng đáy 7m, nền móng của kênh được gia cường bằng phương pháp bê tông trộn sâu với tổng chiều dài kênh 780m. Đã lắp đặt thiết bị cảm biến để kiểm soát nhiệt độ nước làm mát tại khu vực kênh hở trước khi thải ra môi trường.

#### 1.2. Công trình xử lý nước thải đã được xây lắp:

- Đã xây dựng 12 (mười hai) bể tự hoại ba ngăn bằng bê tông cốt thép để xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt trước khi đầu nối với nước thải sản xuất của Nhà máy để tiếp tục xử lý trước khi xả ra ngoài môi trường.
- Đã xây dựng 01 (một) Trạm xử lý nước thải tập trung; nước thải sau xử lý được nhập chung cùng nước làm mát theo kênh dẫn và xả ra sông Hậu. Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT cột A,  $K_q = 1,2$ ;  $K_f = 0,9$ ;  
+ Công suất xử lý: 1.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm;  
+ Quy trình công nghệ xử lý: Nước thải → bể ổn định pH và ôxy hóa → Bể trộn → Bể keo tụ và lắng → Bể Nitrat hóa → Bể khử Nitơ → Bể lắng → Bể phản ứng → Bể chứa nước sạch → Bể lọc → Bể điều chỉnh pH → Kênh thải hở → sông Hậu (Kèm theo thiết kế, bản vẽ hoàn công công trình);  
+ Chế độ vận hành: Liên tục;  
+ Hóa chất sử dụng: NaOH, HCl, FeCl<sub>3</sub>, Polymer, C<sub>2</sub>H<sub>5</sub>OH, NaOCl.  
- Chủ dự án cam kết sẽ lắp đặt hệ thống quan trắc tự động liên tục đối với một số thông số ô nhiễm đặc trưng trong nước thải sau xử lý gồm: pH, SS, Cl<sub>2</sub>. Thời gian hoàn thành việc lắp đặt chậm nhất vào ngày 30/3/2016.

## 2. Công trình xử lý bụi, khí thải:

- Đã lắp đặt hệ thống lọc bụi tĩnh điện (ESP) và hệ thống khử lưu huỳnh (FGD) cho 02 tổ máy; trong đó: lắp đặt 02 (hai) hệ thống ESP cho tổ máy số 01; 02 (hai) hệ thống ESP cho tổ máy số 02; 01 (một) hệ thống FGD cho tổ máy số 01 và 01 (một) hệ thống FGD cho tổ máy số 02. Khí thải sau xử lý được xả ra ngoài môi trường qua 02 ống khói có chiều cao 140m. Quy chuẩn áp dụng: QCVN 22:2009/BTNMT và QCVN 19:2009/BTNMT. Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động online khí thải được kết nối với cả hai tổ máy với các thông số quan trắc là: Bụi,  $\text{NO}_x$ ,  $\text{SO}_2$ , CO,  $\text{CO}_2$ ,  $\text{O}_2$ .
- Chế độ vận hành: Vận hành liên tục.
- Quy trình xử lý bụi, khí thải: Khí thải  $\rightarrow$  hệ thống ESP  $\rightarrow$  Hệ thống FGD  $\rightarrow$  Thải ra môi trường qua ống khói cao 140 m.

## 3. Công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Đã trang bị các thùng nhựa có nắp đậy để lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.
- Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường:
  - + Thạch cao từ quá trình khử  $\text{SO}_2$  trong khí thải của cả 02 tổ máy được thu gom và bán cho đơn vị có nhu cầu sử dụng;
  - + Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải chung của 2 tổ máy: được thu gom và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.
- Đối với chất thải nguy hại: Đã xây dựng 01 kho lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại có diện tích 81  $\text{m}^2$  và thực hiện quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

## 4. Công trình bảo vệ môi trường khác:

- Đã xây dựng các công trình, khu vực chứa hóa chất tại Nhà máy bao gồm: Khu vực lưu trữ amoniac, nhà  $\text{Cl}_2$ , nhà chứa  $\text{H}_2$ , nhà chứa  $\text{N}_2$ , Kho chứa chai khí nén, Kho chứa chai khí hóa nghiệm, Khu vực lưu trữ và sử dụng Hydrazin, Khu hóa chất xử lý nước và nước thải, Kho hóa chất phòng thí nghiệm. Các khu vực đã được xây dựng riêng biệt, có biển cảnh báo và có phương án phòng ngừa, khắc phục các sự cố hóa chất theo quy định.
- Đã xây dựng hệ thống thu gom nước rò rỉ từ bộ hấp thụ, khu vực GGH, khu vực nghiền đá vôi hoặc khu tách nước ra khỏi thạch cao để tái sử dụng cho sản xuất. Hệ thống ống khói được bọc bảo ôn để giảm lượng nhiệt tỏa ra ngoài môi trường.
- Đã trồng cây xanh trên các khoảng đất trống trong khuôn viên Nhà máy với tổng diện tích cây xanh đạt 16ha chiếm 46% diện tích nhà máy để cải thiện môi trường vi khí hậu cho Nhà máy.

## 5. Chương trình giám sát môi trường của cơ sở:

### 5.1. Chương trình giám sát chất thải

#### 5.1.1. Giám sát nước thải:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Vị trí giám sát: 02 vị trí (Nước thải sau xử lý tại bồn chứa nước trước khi xả ra kênh dẫn hồ và nước thải sau kênh dẫn hồ trước khi xả vào sông Hậu).

h

- Thông số giám sát: Lưu lượng, nhiệt độ, pH, BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, Tổng Nitơ, Tổng Photpho, N-NH<sub>4</sub><sup>+</sup>, Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, cột A.
- Quan trắc liên tục, tự động chất lượng nước thải sau xử lý đối với các thông số: pH, SS và Cl<sub>2</sub>.

#### 5.1.2. Giám sát bụi, khí thải:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Vị trí giám sát: 02 vị trí (Ống khói của tổ máy số 01 và Ống khói của tổ máy số 02).
- Thông số giám sát: Lưu lượng, Bụi tổng, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, QCVN 22:2009/BTNMT, cột B.

#### 5.2. Chương trình giám sát môi trường xung quanh

##### 5.2.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh:

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Vị trí giám sát: 02 vị trí (Khu vực công ra vào Nhà máy; Khu vực trạm xử lý nước thải).
- Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng, Tiếng ồn, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO, NH<sub>3</sub>.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

##### 5.2.2. Giám sát môi trường nước mặt:

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Vị trí giám sát: 02 vị trí (Nước sông Hậu, cách điểm xả nước thải 100m về phía thượng lưu và phía hạ lưu).
- Thông số giám sát: Nhiệt độ, pH, TSS, DO, COD, BOD<sub>5</sub>, tổng dầu mỡ, Fe, Cu, Ni, NO<sub>3</sub><sup>-</sup>, PO<sub>4</sub><sup>3-</sup> và Coliform.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2008/BTNMT, cột A2.

*(Chương trình giám sát môi trường kèm theo Giấy xác nhận này thay thế nội dung đã cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt)*

#### 6. Hồ sơ kèm theo Giấy xác nhận:

Hồ sơ sau đây được Tổng cục Môi trường đóng dấu xác nhận trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Giấy xác nhận này:

Bộ hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường với dòng chữ sau trên bìa: "Kèm theo Giấy xác nhận số 24 /GXN-TCMT do Tổng cục Môi trường cấp lần 01 ngày 08 tháng 3 năm 2016".

#### 7. Yêu cầu khác:

Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với công trình bảo vệ môi trường hoặc có sự thay đổi nội dung trong Giấy xác nhận này, chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến cơ quan xác nhận để kịp thời xử lý hoặc điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn./.

H

2